

# HUYỆN MINH HÓA CUỐI THẾ KỶ XIX QUA MỘT SỐ TÀI LIỆU CỦA TRIỀU NGUYỄN

TS. NGUYỄN VĂN HOA

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Huế

Nhân kỷ niệm 130 năm phong trào Cần Vương khởi phát (1885 - 2015), xin nêu ở đây một số thông tin liên quan đến huyện Minh Hóa vào những thập niên cuối thế kỷ XIX được các sử gia triều Nguyễn ghi chép trong hai công trình rất có giá trị là Đại Nam thực lục<sup>1</sup> và Đồng Khánh địa dư chí<sup>2</sup>.

## 1. Thời điểm thành lập huyện Minh Hóa và những sự kiện có liên quan

Tháng 12 năm Giáp Tuất, Tự Đức năm thứ 27 (1874): “Bắt đầu đặt huyện Minh Hóa ở tỉnh Quảng Bình. (7 sách ở 2 huyện Kim Linh, Cơ Sa về miền thượng du phủ Quảng Trạch, địa thế chơ vơ xa cách phủ khó trông coi khắp được. Gần đây được quan tỉnh xin đem 7 sách ở 2 nguyên ấy gồm với tổng Thượng Lưu, huyện Minh Chính, đặt làm huyện Minh Hóa. Đến nay mới đặt quan, lấy người Thổ trước làm chức ấy)”<sup>3</sup>.

Đến tháng giêng năm Nhâm Ngọ, Tự Đức năm thứ 35 (1882): “Định lại lệ phủ, huyện nhiều việc và nhiều việc vừa ở trong Kinh và các tỉnh ngoài”<sup>4</sup>, trong đó có huyện Minh Hóa “là nơi nhiều việc”<sup>5</sup>.

Tháng 9 năm Quý Mùi, Tự Đức năm thứ 36 (1883): “Dời đặt huyện lỵ huyện Minh Hoá (thuộc tỉnh Quảng Bình) đến trang Minh Cầm. (Trước huyện lỵ đặt ở phường Xuân Canh, núi ở xung quanh, khí độc nặng nề)”<sup>6</sup>.

Đến tháng 10 năm Ất Dậu (1885), “thân hào các phủ, huyện: Quảng Trạch, Tuyên Hoá, Bố Trạch thuộc hạt Quảng Bình khởi loạn, dựng các hiệu cơ: “Cần Vương cử nghĩa” (thủ tướng là nguyên Tri phủ Nguyễn Phạm Tuân). Nhiều lần các phủ, huyện ấy hoặc trốn tránh, hoặc bị bắt. Vua chuẩn cho Viện Cơ mật bàn với phó đô thống Pháp, phải định liệu rất khẩn; một mặt tự cho tỉnh ấy bàn với

<sup>1</sup>. Đại Nam thực lục là bộ chính sử lớn nhất, quan trọng nhất của triều Nguyễn, do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn trong gần 90 năm mới hoàn thành (1821-1909).

<sup>2</sup>. Đồng Khánh địa dư chí được hoàn thành vào năm 1886-1887 dưới thời Đồng Khánh.

<sup>3</sup>. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 8, bản dịch của Tô phiến dịch Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.86. Đoạn: “7 sách ở 2 huyện Kim Linh, Cơ Sa về miền thượng du...” đúng ra là “7 sách ở 2 nguyên Kim Linh, Cơ Sa về miền thượng du...”.

<sup>4</sup>. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 8, Sđd, tr.510.

<sup>5</sup>. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 8, Sđd, tr.510.

<sup>6</sup>. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 8, Sđd, tr.603.

người Pháp đóng ở tỉnh ấy, hiệp sức đánh dẹp, không cho chúng lan tràn ra”.<sup>7</sup>

Đáng chú ý là đoạn trích dẫn này đã không còn nói đến huyện Minh Hóa, thay vào đó là huyện Tuyên Hóa. Tra cứu ngược về trước, từ thời điểm tháng 10 năm Ất Dậu (1885) lùi về thời điểm tháng 9 năm Quý Mùi (1883), Quốc sử quán triều Nguyễn đã không có một ghi chép nào trong Đại Nam thực lục về việc huyện Minh Hóa đổi tên (?) thành huyện Tuyên Hóa hoặc huyện Minh Hóa đã sáp nhập thêm một địa bàn nào đó lân cận (?) để lập ra một huyện mới là huyện Tuyên Hóa.

Cho đến tháng 3 năm Đinh Hợi, Đồng Khánh năm thứ 2 (1887), “Viên quan Pháp (không rõ tên), đóng ở đồn Minh Cầm (thuộc huyện Tuyên Hoá, Quảng Bình), đánh dẹp và bắn giết được Nguyễn Phạm Tuân (nguyên Tri phủ, xưng Tán lý), thu được ấn của vua Hàm Nghi”.<sup>8</sup>

Tháng 5 năm Đinh Hợi, Đồng Khánh năm thứ 2 (1887), “lại đặt huyện nha ở Tuyên Hoá. (Thuộc tỉnh Quảng Bình, đặt từ năm trước; từ khi tỉnh ấy có loạn, viên dịch chạy tản hết; chuẩn cho đình bãi, đợi yên sẽ định. Đến nay hơi yên lại đặt)”.<sup>9</sup>

Quốc sử quán triều Nguyễn trong cuốn Đại Nam thực lục chính biên đệ lục kỷ phụ biên (ghi chép lịch sử nước ta từ năm 1889 đến năm 1916)<sup>10</sup> và Đại Nam thực lục chính biên đệ thất kỷ (ghi chép lịch sử nước ta từ năm 1916 đến năm 1925)<sup>11</sup> cũng không nhắc tên huyện Minh Hóa nữa.

## 2. Bản đồ huyện Minh Hóa trong Đồng Khánh địa dư chí

Đây là tấm bản đồ được “Tĩnh thần Quảng Bình kính tuân lời phê biên vẽ”, được ghi chú khá rõ ràng, cụ thể. Căn cứ những địa danh và ghi chú ghi trên bản đồ với tên gọi “Minh Hóa huyện đồ” như: Bắc giáp Nghệ An sơn phận địa giới; Nam giáp Bố Trạch huyện giới; Đông giáp Bố Trạch, Minh Chính nhị huyện



<sup>7</sup>. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 9, bản dịch của Tổ biên dịch Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.201.

<sup>8</sup>. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 9, Sđd, tr.322.

<sup>9</sup>. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 9, Sđd, tr.347.

<sup>10</sup>. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục chính biên đệ lục kỷ phụ biên, bản dịch của Cao Tự Thanh, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Hà Nội, 2011.

<sup>11</sup>. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục chính biên đệ thất kỷ, bản dịch của Cao Tự Thanh, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Hà Nội, 2012.

giới; Tây giáp Lào Miên phân hạt giới; đôn Quy Hợp; Minh Cầm Ngoại phường; Minh Cầm Nội phường; Minh Cầm trang; Kim Lũ sách; Đồng Lê phường...; có thể nhận thấy địa bàn của huyện Minh Hóa khi mới thành lập vào tháng 12 năm Giáp Tuất, Tự Đức năm thứ 27 (1874) là rất rộng, có cả những địa bàn nay thuộc huyện Tuyên Hóa.

### **3. Những ghi chép trong Đồng Khánh địa dư chí về huyện Minh Hóa**

Huyện Minh Hóa: “Huyện mới thành lập, tạm thời mở rộng đôn tuần ở phường Đồng Lê, tổng Thượng Lưu làm lý sở. Địa thế lý sở hình vuông, rộng hơn 1 mẫu, xung quanh đắp lũy đất, cao hơn 4 thước, phía trên ken rào tre.

Đông giáp huyện Minh Chính, phía Tây giáp Lào, phía Nam giáp huyện Bố Trạch, phía Bắc giáp với Trại Bái huyện Hương Khê, tỉnh Nghệ An. Tất cả đều là vùng rừng núi, cây cối um tùm rậm rạp, địa thế quanh co hiểm trở, trong khoảng một dặm cũng khó nhận ra lối đi.

Huyện có 1 tổng gồm 20 xã, thôn, phường và 2 nguồn, 7 sách (hiện vắng mệnh đối đặt tổng xã chưa xong).

*Tổng Thượng Lưu*, gồm 20 xã, thôn, phường:

1. Xã Cao Trạch
2. Xã Thạch Sơn
3. Xã Thiết Sơn
4. Phường Đồng Giang
5. Phường Thượng Phú
6. Phường Đồng Ái
7. Phường Bảo Thê
8. Phường Đại Hòa
9. Phường Sảo Phong
10. Phường Huyền Nữ
11. Phường Minh Cầm Ngoại
12. Phường Minh Cầm Nội
13. Phường Đồng Ca
14. Phường Xuân Canh
15. Phường Đồng Lê
16. Phường Đồng Bang
17. Phường Bà Tâm
18. Phường Tam Đăng
19. Phường Đồng Nạp
20. Trang Minh Cầm

*2 nguồn:*

1. Nguồn Kim Linh

2. Nguồn Cơ Sa

7 sách:

1. Sách Kim Lũ

2. Sách Thanh Lãng

3. Sách Sâm Sâm

4. Sách Ma Năng Thượng

5. Sách Ma Năng Hạ

6. Sách Hung Đặng

7. Sách Hung Ốc

Đình điền, phú thuế:

Số đình:

- Chức sắc, miễn sai dịch: 43 người.

- Chánh nạp: 185 người.

Ngạch binh:

- Lính Kinh: 4 người.

- Lính tỉnh: 40 người.

Ruộng đất, thuế:

Ruộng: 1.296 mẫu 7 sào 7 thước 8 phân.

Đất: 423 mẫu 12 thước 4 tấc 4 phân.

Thuế cả năm:

- Nộp bằng tiền: 1.101 quan 2 tiền 18 đồng tiền.

- Nộp bằng thóc: 905 hộc 25 thưng 1 vốc 6 nắm 3 lè.

Sản vật:

- Tre, mây, gỗ lạt.

- Sáp ong: sản ở 2 nguồn, 7 sách. Có nộp thuế (ở dưới cũng thế).

- Mật ong.

- Sừng tê.

- Ngà voi: (Nguyên có lệ phải nộp thuế, sau xét thứ này không kiếm được thường xuyên, hàng năm không lấy gì mà nộp được, dân tình kêu khổ cho nên đã được đội ơn cho chiết nộp bằng tiền).

- Củ nâu: gặt thuyền buôn đỗ ở cảng thì thu thuế.

Núi sông:

Trong huyện núi non nối tiếp trùng điệp, khe suối xen cắt nhau, nhưng vì ở nơi xa xôi hẻo lánh, không có tên gọi và sự tích để ghi lại.

Danh thắng:

- Đá Ông Già (Trượng Nhân thạch): ở phường Thái Hòa, giữa sông có tảng đá cao khoảng 5-6 thước, trông giống hình người đang cúi xuống nhìn dòng nước trong xanh, tục gọi là Ông Đứng. Thuyền bè qua đó phải thận trọng, đốt hương cầu khẩn để được an toàn.

Đường đi:

- Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía Đông đến địa giới huyện Minh Chính, đi khoảng nửa ngày.

- Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía Tây đến trấn Ve, thông sang Lào, đi đường núi ước độ 5-6 ngày.

- Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía Nam đến sách Hung Đăng, đi ước độ hơn 1 ngày.

- Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía Bắc đến địa phận Trại Bái (huyện Hương Khê) tỉnh Nghệ An, đi ước độ 1 ngày”.

Từ những thông tin nêu ở trên, có thể kết luận:

1. Huyện Minh Hóa được thành lập vào tháng 12 năm Giáp Tuất, Tự Đức năm thứ 27 (1874). Sau đó, bản đồ đầu tiên của huyện Minh Hóa do Tỉnh thần Quảng Bình biên vẽ được khắc in trong bộ sách Đồng Khánh địa dư chí, hoàn thành vào năm 1886-1887. Theo Đồng Khánh địa dư chí, tỉnh Quảng Bình gồm 2 phủ (Quảng Ninh, Quảng Trạch) và 7 huyện (Phong Lộc, Phong Đăng, Lệ Thủy, Bình Chính, Minh Chính, Bồ Trạch, Minh Hóa).

2. Từ sau sự kiện dời đặt huyện lỵ huyện Minh Hoá đến trang Minh Cầm vào tháng 9 năm Quý Mùi, Tự Đức năm thứ 36 (1883) đến tháng 10 năm Ất Dậu (1885), khi thân hào các phủ, huyện ở Quảng Bình dấy lên phong trào Cần Vương ngày càng mạnh mẽ - trong khoảng hơn 2 năm đó, Minh Hóa là một huyện của tỉnh Quảng Bình trong tổ chức hành chính của triều Nguyễn. Tuy nhiên, do không được Quốc sử quán triều Nguyễn ghi chép, nên không biết được cụ thể thời điểm mất đi địa danh Minh Hóa và xuất hiện địa danh Tuyên Hóa - một huyện của tỉnh Quảng Bình.<sup>12</sup>

3. Từ tháng 10 năm Ất Dậu (1885) cho đến những năm 20 của thế kỷ XX (theo Đại Nam thực lục chính biên đệ lục kỷ phụ biên và Đại Nam thực lục chính biên đệ thất kỷ), trong tổ chức hành chính của tỉnh Quảng Bình chỉ có huyện Tuyên Hóa mà không có huyện Minh Hóa.

---

<sup>12</sup>. Một chi tiết cũng cần nói rõ ở đây là đến tháng 10 năm Ất Dậu (1885), Đại Nam thực lục không nói đến huyện Minh Hóa nữa, nhưng trong Đồng Khánh địa dư chí được hoàn thành không lâu sau đó (những năm 1886-1887) lại chỉ có huyện Minh Hóa, bản đồ huyện Minh Hóa, mà không có huyện Tuyên Hóa.